

Số: 229/2022/QĐST-HNGĐ

Thọ Xuân, ngày 15 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 208/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2022, giữa:

*Nguyên đơn:* Chị Trương Thị T1, sinh năm 1987, nơi ĐKKHKT: Thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ hiện tại: Thôn Th, xã C1, huyện C, tỉnh Thanh Hóa;

*Bị đơn:* Anh Đoàn Phú T2, sinh năm 1989, địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 8 năm 2022,

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 8 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trương Thị T1 và anh Đoàn Phú T2.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*Về hôn nhân:* Chị Trương Thị T1 và anh Đoàn Phú T2 tự nguyện thuận tình ly hôn.

*Về con chung:* Chị Trương Thị T1 và anh Đoàn Phú T2 có 01 (một) con chung là cháu Đoàn Phú T3, sinh ngày 21/01/2012.

Ly hôn: Anh Đoàn Phú T2 được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Đoàn Phú T3. Chị Trương Thị T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ (*một triệu đồng*) tính từ tháng 8 năm 2022 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị Trương Thị T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

*Về tài sản và công nợ:* Chị Trương Thị T1 và anh Đoàn Phú T2 thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về án phí dân sự sơ thẩm:* Chị Trương Thị T1 tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm 150.000 đồng; ngoài ra chị Trương Thị T1 còn phải nộp 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, tổng cộng là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị T1 đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0014341 ngày 19/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Như vậy, chị Trương Thị T1 đã nộp đủ tiền án phí.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã C1, huyện C;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Lê Minh Tiến**